

Số: 548/TB-VKS

Yên Bái, ngày 04 tháng 04 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái Thông báo công khai số liệu thực hiện và thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước của Viện kiểm sát hai cấp quý I năm 2023 như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Công trình trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

- Tổng giao vốn: 2.584.000.000 đồng.
- Thực hiện giải ngân : 1.720.000.000 đồng.
- Tỷ lệ giải ngân 66,58% % kế hoạch vốn giao.

2. Chi ngân sách nhà nước

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí được sử dụng đầu năm: 36.455.100.000 đồng
- Trong đó:* 33.531.400.000 đồng - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
2.712.500.000 đồng - Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ
211.200.000 đồng - Kinh phí đào tạo nghiệp vụ
- Thực hiện trong quý I: 8.332.531.010 đồng
- Trong đó:* 8.272.213.410 đồng - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
37.232.600 đồng - Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ
22.585.000 đồng - Kinh phí đào tạo nghiệp vụ
- Dự toán được chuyển quý II: 28.112.568.990 đồng

3. Kết quả đạt như sau: (Chi tiết phụ lục đính kèm)

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ 8.272.213.410 đồng, đạt 24,7 % so kế hoạch dự toán giao đầu năm.
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 37.232.600 đồng, đạt 1,4 % so kế hoạch dự toán đầu năm.

- Kinh phí đào tạo nghiệp vụ: 22.585.000 đồng, đạt 10,7% so kế hoạch dự toán đầu năm

Trên đây là thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái./.

Nơi nhận:

- C3 VKSTC (để báo cáo)
- Trang tin điện tử (để đăng tin)
- Lưu VT, KT

**TL. VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Anh Đào

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái
Chương: 004

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Quý I năm 2023

(Kèm theo Thông báo số 378/TB-VKS ngày 07/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2023	So sánh thực hiện quý / Dự toán năm (tỷ lệ%)	So sánh thực hiện quý với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước	36.455.100,0	8.332.531,0	22,9	
1	Chi quản lý hành chính	36.243.900,0	8.309.946,0	22,9	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	33.531.400,0	8.272.713,4	24,7	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.712.500,0	37.232,6	1,4	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	211.200,0	22.585,0	10,7	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	211.200,0	22.585,0	10,7	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái
Chương trình: 004



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2023

(Kèm theo Thông báo số 578/TB-VKS ngày 07/4/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái)

Phụ lục 02

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị	Tổng dự toán giao thực hiện trong năm	Tổng số	Thực hiện chi NSNN trong quý I/2023				So sánh thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ%)	So sánh thực hiện quý với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
			Trong đó		Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8=4/3		
			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
1	2	3	4	5	6	7	8=4/3	9
1	Văn phòng VKS tỉnh	17.388.400.000	3.101.634.000	3.043.166.400	35.882.600	22.585.000	17,8	
2	VKS thành phố Yên Bái	3.015.200.000	803.756.000	802.406.000	1.350.000		26,7	
3	VKS huyện Yên Bình	2.431.600.000	689.835.000	689.835.000			28,4	
4	VKS huyện Trấn Yên	2.096.800.000	500.667.500	500.667.500			23,9	
5	VKS huyện Văn Yên	2.027.100.000	545.318.200	545.318.200			26,9	
6	VKS huyện Lục Yên	1.783.300.000	538.736.100	538.736.100			30,2	
7	VKS huyện Văn Chấn	2.092.300.000	638.109.500	638.109.500			30,5	
8	VKS thị xã Nghĩa Lộ	2.148.600.000	556.748.200	556.748.200			25,9	
9	VKS huyện Trạm Tấu	1.727.300.000	437.315.810	437.315.810			25,3	
10	VKS huyện Mù Cang Chải	1.744.500.000	520.410.700	520.410.700			29,8	
Tổng cộng		36.455.100.000	8.332.531.010	8.272.713.410	37.232.600	22.585.000	22,9	